

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS-PT  
Ngày: 29/8/2023  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Bá Lưu

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Từ Thị Hải Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thanh Thuý – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLPT- DS ngày 22/6/2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán, do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS – ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2679/2023/QĐ-PT ngày 04/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV máy chế biến gỗ H; địa chỉ: Số 19 đường Hai Bà T, khu phố Đông B, phường Đồng Hòa, thành phố D, tỉnh Bình Dương (địa chỉ mới: Khu phố Tân Hội, phường Tân H, thị xã Tân U, tỉnh Bình Dương – Hằng P ngay cầu Tân Hội); đại diện theo pháp luật: Bà Thông Nhịt K – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền ông: Trần Chí Cường, sinh năm: 1992 (*Theo Giấy ủy quyền ngày 26/8/2023/UQ*); địa chỉ: Thuận T, S, T, Đồng Nai; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lý Tạt V, sinh năm: 1984; HKTT: T, xã B, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ căn báo: Số 363 đường Nguyễn Thị Đ, thôn Trung B, xã Bảo N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V: Luật sư Trương Quang T – Công ty Luật TNHH một thành viên Trương Quang T, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Zhang J – Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV máy chế biến gỗ H; địa chỉ: Số 19 đường Hai B, khu phố Đông B, phường Đồng H, thành phố D, tỉnh Bình Dương (địa chỉ mới: Khu phố Tân H, phường Tân H, thị xã Tân U, tỉnh Bình Dương – Hằng P ngay cầu Tân Hội); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số 363 đường Nguyễn Thị Đ, thôn Trung B, xã Bảo N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày:* Ngày 25/9/2020, Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ H(sau đây gọi là Công ty Hằng Phong) và ông Lý Tạt V ký Hợp đồng kinh tế số 20200925/HĐKT với nội dung Công ty H bán cho ông Lý Tạt V 01 máy cắt, 02 máy CNC, 01 máy cắt gỗ nguyên khối với tổng số tiền là 1.640.000.000 đồng. Thực hiện hợp đồng, Công ty H đã giao nhận đủ số máy cho ông Lý Tạt V (có phiếu giao hàng) cùng với bản ảnh lưu tại điện thoại việc xe ô tô của ông V đã nhận đủ số máy đã giao. Theo nội dung Hợp đồng, ông Lý Tạt V phải thanh toán 100.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng nhưng ông V xin trả chậm ít hôm. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông V chưa thanh toán 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận cùng với số tiền còn phải thanh toán cho Công ty H trong thời hạn 16 tháng, mỗi tháng thanh toán 96.250.000 đồng. Mặc dù Công ty H đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu trả nợ nhưng ông V cố tình trì hoãn, né tránh, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay Công ty H khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông V phải thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 1.776.666.000 đồng, trong đó, nợ gốc là 1.640.000.000 đồng và khoản lãi phát sinh do chậm thanh toán từ tháng 9/2020 đến tháng 7/2021 là 10 tháng, với mức lãi suất 10%/năm là  $1.640.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/12) \times 10 \text{ tháng} = 136.666.000 \text{ đồng}$ , không yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán đến giai đoạn xét xử.

\* *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Tạt V trình bày:* Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ký hợp đồng giữa Công ty H và ông V thực hiện khi Công ty H chỉ đóng dấu đỏ của Công ty Hằng Phong, mà thực tế ông V chỉ làm việc trực tiếp với ông Zhang Zun. Ông V không biết bà Thông Nhị K là ai. Sau khi ký hợp đồng, ông V phát hiện nội dung hợp đồng không chính xác về mã số máy móc và việc nhận máy móc thực tế. Ông V có yêu cầu Công ty H sửa lại Hợp đồng nhưng phía Công ty H không sửa. Do việc ký Hợp đồng và giao nhận máy tiến hành cùng lúc nhưng thực tế ông V chỉ nhận được 02 máy vào ngày 23/9/2020, chứ không phải 04 máy như trên bản Hợp đồng. Sau đó ngày 26/11/2020, ông V có trả lại 01 máy CNC vì không sử dụng được (có phiếu ra cổng chứng minh đã xuất 01 máy CNC đó ra khỏi Công ty). Chỉ có sử dụng 01 máy uốn đầu CNC giá trị 330.000.000 đồng. Sau đó, ông V đã trả cho Công ty H số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, số tiền mà ông V còn nợ Công ty H là 230.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền này còn liên quan đến việc Công ty H thuê công xưởng của bên vợ ông V là bà Nguyễn Thị Mai H. Đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ của vụ án để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

\* *Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Zhang Jun – Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ H trình bày:* Ông là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ H theo Quyết định bổ nhiệm số 01/2020 ngày 27/7/2020 và Giấy ủy quyền số 01/2020 ông được bà Thông Nhị K là người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền với nội dung và phạm vi

ủy quyền là “... được thực hiện tất cả các giao dịch liên quan đến hoạt động sản xuất của Công ty, giao kết hợp đồng thương mại, Hợp đồng lao động”. Vào ngày 25/9/2020, trong phạm vi ủy quyền ông đã đại diện Công ty giao kết hợp đồng kinh tế với ông Lý Tạt V. Theo như Hợp đồng thì công ty có bán cho ông Lý Tạt V với số lượng: 01 máy cắt, 02 máy CNC, 01 máy cắt gỗ nguyên khối với tổng số tiền là 1.640.000.000 đồng. Bên Công ty H đã giao đủ số máy cho ông V theo như thỏa thuận trong hợp đồng ký kết (có phiếu giao hàng). Theo nội dung Hợp đồng ông V phải thanh toán 100.000.000 đồng ngay sau khi giao kết hợp đồng, nhưng ông V xin trả chậm ít hôm. Đến thời điểm hiện tại thì ông Lý Tạt V vẫn chưa thanh toán 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng cùng với số tiền còn lại ông Lý Tạt V phải thanh toán cho Công ty H trong thời hạn 16 tháng, mỗi tháng thanh toán 96.250.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình soạn Hợp đồng, do thiếu cẩn thận nên nhân viên công ty đã soạn Hợp đồng có đề bên bán là Công ty TNHH Một thành viên máy chế biến gỗ H – Đại diện là bà Thông Nhị K mà không bổ sung tên ông được ủy quyền ký hợp đồng vào. Mặc dù không kiểm tra kỹ về mặt hình thức của Hợp đồng này mà đã ký, nhưng thực tế việc giao kết Hợp đồng và thực hiện hợp đồng này là có trên thực tế. Chính ông là người được ủy quyền ký hợp đồng và các nội dung trong Hợp đồng này hoàn toàn không vượt quá nội dung, phạm vi ủy quyền cũng như ông là người ký tên, đóng dấu vào phiếu giao hàng cho ông Lý Tạt V vào ngày 25/9/2020. Nên ông cho rằng Hợp đồng kinh tế số 20200925/HĐKT ngày 25/9/2020 hoàn toàn có giá trị và buộc ông Lý Tạt V phải trả lại cho công ty H số tiền còn nợ. Bên cạnh đó cá nhân ông cũng như Công ty H không có nhân viên, công nhân nào tên là Nhị Nhục Dín. Việc ông Lý Tạt V có cung cấp 01 phiếu chi với số tiền 100.000.000 đồng với sự xác nhận là bà Dị Nhục Dín không hề liên quan đến vấn đề thanh toán của Hợp đồng mua bán đã ký kết. Ông khẳng định ông Lý Tạt V chưa hề trả bất cứ khoản tiền nào cho công ty H Hằng Phong. Ông khẳng định lời trình bày của mình là hoàn toàn đúng với sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

\* *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người làm chứng bà Nguyễn Thị Mai H trình bày:* Đồng nhất quan điểm đã trình bày của bị đơn. Việc anh V chỉ sử dụng được 01 máy mua của Công ty H và đã trả 100.000.000 đồng là sự thật và có phiếu chi thể hiện người nhận tiền là Dị Nhục Dín, là kế toán bên ông Zhang Zun.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 12/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 351, 357; 430; 431; 433; 434; 440; 468 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ H đối với ông Lý Tạt V về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Buộc ông Lý Tạt V chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ H tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/5/2023 với tổng số tiền 1.776.666.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 1.640.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 136.666.000 đồng). Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực.

Bản án sơ thẩm còn quyết định vấn đề án phí , tiền tạm ứng án phí ; tuyên việc chịu lãi đối với khoản tiền chậm thi hành án , quyền thoả thuận thi hành án , tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi hành án, việc bị cưỡng chế thi hành án, vấn đề thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/5/2023, bị đơn ông Lý Tạt Vkháng cáo Bản án số 17/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới vì Bản án đã vi phạm một số thủ tục tố tụng, nội dung vụ án hoàn toàn không đúng sự thật và trái pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Lý Tạt V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V trình bày Hợp đồng mua bán máy móc được ký kết giữa Công ty H và ông Lý Tạt V vi phạm về hình thức, chỉ có dấu không có chữ ký của người được ủy quyền. Do đó, đề nghị tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Ông V mua bốn máy nhưng chỉ nhận được hai máy, còn một máy bị hỏng, một máy sử dụng được trị giá 330 triệu đồng, do đó ông V chỉ có trách nhiệm trả số tiền 330 triệu đồng cho Công ty H và ông Phong. Ông V đã trả tiền cho Công ty H 100 triệu đồng do đó, ông V chỉ còn trả lại 230 triệu đồng.

Tại phiên tòa, ông Trần Chí Cường trình bày tài liệu, chứng cứ chứng minh nội dung khởi kiện của Công ty H và ông Phong đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm , Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, nội dung tóm tắt như sau:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

-Về nội dung: Kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông V, giữ nguyên toàn bộ án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Do không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, bị đơn ông Lý Tạt V kháng cáo Bản án số 17/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Đơn kháng cáo làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Lý Tạt V cho rằng ông đã ký hợp đồng mua bán máy với ông Zhang Jun (Phó Giám đốc Công ty) chứ không phải với bà Thông Nhật K (Giám đốc Công ty). Tuy nhiên, tại phần đầu của hợp đồng thể hiện bên bán là bà Thông Nhật K, nhưng phần cuối hợp đồng chữ ký đại diện bên bán là ông Zhang Jun. Ông V ký kết hợp đồng mua 4 máy, tuy nhiên ông chỉ nhận được 2 máy. Sau đó, một máy bị hỏng, nên ông đã trả lại cho Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ H (sau đây gọi tắt là Công ty H). Ông chỉ sử dụng được một máy có giá trị 330 triệu đồng, do đó ông chỉ có trách nhiệm trả số tiền 330 triệu đồng cho Công ty H. Ông V đã trả cho Công ty H số tiền 100 triệu đồng. Như vậy, số tiền mà ông V còn phải trả cho Công ty H là 230 triệu đồng. Số

tiền này còn liên quan đến Công ty H thuê xưởng của vợ ông V là bà Nguyễn Thị Mai H, do đó sẽ được khấu trừ.

[2.2] Xét thấy, mặc dù hợp đồng mua bán giữa ông Lý Tạt V và Công ty H có vi phạm về hình thức nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông V thừa nhận việc mua bán trên là tự nguyện, nội dung không vi phạm, hai bên đã tiến hành giao nhận máy. Do đó, hợp đồng mua bán máy giữa ông Lý Tạt V và Công ty H có hiệu lực pháp luật. Ông V cung cấp một số tài liệu là phiếu giao hàng ngày 25/9/2020 có chữ ký của ông V và một bên là dấu của Công ty Hằng Phong, có ghi chữ của ông V là tạm nhận 02 máy; Phiếu ra công ngày 26/11/2020 thể hiện đã trả máy cho Công ty Hằng Phong. Nguyên đơn cung cấp Phiếu giao hàng ngày 25/9/2020 có chữ ký của hai bên và dấu của Công ty H điều này thể hiện đã có việc giao nhận hàng giữa hai bên. Theo phiếu giao hàng giữa Công ty H với ông Lý Tạt V vào ngày 25/9/2020 thì việc giao nhận có tổng cộng 04 máy, ông V và ông Z đã ký vào Phiếu giao hàng. Từ đó, có thể khẳng định Công ty H đã bán cho ông Lý Tạt V 04 máy, trị giá 1.640.000.000 đồng, đúng như bản án sơ thẩm đã nhận định.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chỉ trình bày được tên bà Dịp Nhục Dín trong việc nhận số tiền 100.000.000 đồng nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh bà Dịp Nhục Dín là nhân viên của Công ty Hằng Phong. Theo chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì bà Dịp Nhục Dín là nhân viên của Công ty TNHH Shuang Feng, không phải nhân viên của Công ty Hằng Phong, do đó trình bày của bị đơn cho rằng đã trả số tiền 100.000.000 đồng cho Công ty H là không có cơ sở để xem xét.

[2.4] Ông Lý Tạt V cho rằng số tiền thanh toán máy móc giữa ông V và Công ty H được tính toán căn trừ vào chi phí thuê nhà xưởng của Công ty vợ ông, nhưng chỉ thỏa thuận bằng miệng. Mặt khác, trong hợp đồng ký kết giữa ông V và Công ty H không ghi nhận thỏa thuận này. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông V.

[2.5] Tại phiên tòa, bị đơn cũng không cung cấp thêm được chứng cứ thể hiện Công ty H đã nhận lại máy. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lý Tạt V về nội dung trên.

[2.6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có đủ cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lý Tạt V như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa. Do đó, căn giữa nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Tạt V nên theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Lý Tạt V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 351, 357, 430, 431, 433, 434, 440, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lý Tạt V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2023/DS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn của Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ Hằng Phong. Buộc ông Lý Tạt V chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH MTV Máy chế biến gỗ H tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/5/2023 với tổng số tiền 1.776.666.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc 1.640.000.000 đồng; nợ lãi quá hạn: 136.666.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí:**

+ Án phí dân sự sơ thẩm: ông Lý Tạt V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 65.999.980.000 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lý Tạt V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền mà ông Lý Tạt V đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0001558 ngày 06/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (29/8/2023).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Bá Lưu**



